**KẾ HỌC DẠY HỌC-NHÓM 9: HÓC MÔN, QUẬN 8**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRUNG TÂM:** **TỔ : Toán** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

 **MÔN: TOÁN - KHỔI LỚP 10**

**NĂM HỌC 2022 – 2023**

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp: ……….; Số học sinh: …… ; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:……….**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: ……..** ; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: ….. GV; Đại học: ……. GV; Trên đại học: ……. GV

 **Mức đạt chuẩn nghề nghiệp:** Tốt: ……. GV; Khá: ………. GV; Đạt: ………. GV; Chưa đạt:……… GV

**3. Thiết bị dạy học:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thực hành | Ghi chú |
| 1 | Máy tính có cài phần mềm ứng dụng Toán Geogebra | 5 | Vẽ được một số hình biểu diễn trong Toán học:Vẽ đồ thị hàm số bậc hai, sử dụng đồ thị để tạo các hình ảnh hoa văn.* Biểu thị điểm, vecto, các phép toán vecto trong hệ trục tọa dộ Oxy.
* Vẽ ba đường Conic.
* Thực hành sử dụng phần mềm để tính được số đặc trưng đo xu thế trung tâm và đo mức độ phân tán cho mẫu số liệu không ghép nhóm..
* Thực hành sử dụng phần mềm để tính xác suất theo định nghĩa cổ điển.
 |  |
| 2 | Bộ dụng cụ vẽ trên bảng:compa, thước thẳng, thước eke,… | 5 | Thực hành vẽ trên bảng |  |
| ... |  |  |  |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Phòng học  | 5 | Sử dụng để giảng dạy |  |
| 2 | Phòng nghe nhìn | 1 | Sử dụng để giảng dạy, thao giảng, nghiên cứu khoa học… |  |
| 3 | Sân trường | 1 | Thực hành đo độ cao dựa vào hệ thức lượng trong tam giác vuông, tỉ số lượng giác. |  |

**II. Kế hoạch dạy học:**

**1. Phân phối chương trình**

**Bảng 2.5. Phân phối chương trình môn Toán khối lớp 10**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Đại số và một số yếu tố Giải tích | Hình học và Đo lường | Thống kê và Xác suất | Thực hành và HĐ trải nghiệm | Chuyên đề học tập | KTĐK | Tổng |
| (%) | Số tiết | (%) | Số tiết | (%) | Số tiết | (%) | Số tiết | (%) | Số tiết | Số tiết |  |
| 32,9% | 46 tiết | 25,7% | 36 tiết | 10,7% | 15 tiết | 5,7% | 8 tiết | 25% | 35 tiết | 8 tiết |  |
| Số tiết HKI | 20 tiết  | Số tiết HKI | 20 tiết | Số tiết HKI | 9 tiết  | Số tiết HKI | 2 tiết | Số tiết HKI | 17 tiết | 4 tiết | 72 tiết |
| Số tiết HKII |  | Số tiết HKII |  | Số tiết HKII |  | Số tiết HKII |  | Số tiết HKII |  |  |  |

* **KIỂM TRA ĐỊNH KÌ**: HKI (4 tiết) và HKII (4 tiết)

**Cả năm: 35 tuần (105 tiết);**

**Trong đó: Học kì 1: 18 tuần (54 tiết); Học kì 2: 17 tuần (51 tiết)**

**HKI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Tên bài học** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **1** | **1** | Bài 1. Mệnh đề | – Biết viết và phát biểu được các mệnh đề toán học, bao gồm: mệnh đề phủ định; mệnh đề đảo; mệnh đề tương đương; mệnh đề có chứa kí hiệu ; điều kiện cần, điều kiện đủ, điều kiện cần và đủ. – Nhận biết được tính đúng/sai của một mệnh đề toán học trong những trường hợp đơn giản. |
| **2** | Bài 2. Tập hợp   | – Nhận biết được các khái niệm cơ bản về tập hợp (tập con, hai tập hợp bằng nhau, tập rỗng) và biết sử dụng các kí hiệu  |
| **1** | Bài 1. Giá trị lượng giác của một góc từ 0o đến 180o  | – Nhận biết được giá trị lượng giác của một góc từ  đến  – Tính được giá trị lượng giác (đúng hoặc gần đúng) của một góc từ  đến bằng máy tính cầm tay.– Nhận biết được hệ thức liên hệ giữa giá trị lượng giác của các góc phụ nhau, bù nhau. |
| **2** | Bài 1. Giá trị lượng giác của một góc từ 00 đến 1800  |
| **2** | **3** | Bài 2. Tập hợp   | – Nhận biết được các khái niệm cơ bản về tập hợp (tập con, hai tập hợp bằng nhau, tập rỗng) và biết sử dụng các kí hiệu  |
| **4** | Bài 3. Các phép toán trên tập hợp  | – Thực hiện được phép toán trên các tập hợp (hợp, giao, hiệu của hai tập hợp, phần bù của một tập con) và biết dùng biểu đồ Ven để biểu diễn chúng trong những trường hợp cụ thể. – Mô tả được một số vấn đề thực tiễn gắn với phép toán trên tập hợp ( ví dụ: những bài toán liên quan đến đếm số phần tử của hợp các tập hợp,...). |
| **3** | Bài 2. Định lí côsin và định lí sin   | – Giải thích được các hệ thức lượng cơ bản trong tam giác: định lí côsin, định lí sin, công thức tính diện tích tam giác.  |
| **4** | Bài 2. Định lí côsin và định lí sin   |
| **3** | **5** | Bài 3. Các phép toán trên tập hợp  | – Thực hiện được phép toán trên các tập hợp (hợp, giao, hiệu của hai tập hợp, phần bù của một tập con) và biết dùng biểu đồ Ven để biểu diễn chúng trong những trường hợp cụ thể. – Mô tả được một số vấn đề thực tiễn gắn với phép toán trên tập hợp ( ví dụ: những bài toán liên quan đến đếm số phần tử của hợp các tập hợp,...). |
| **6** | BT cuối chương I | – Giải được một số bài tập cuối chương. |
| **5** | Bài 2. Định lí côsin và định lí sin   | – Giải thích được các hệ thức lượng cơ bản trong tam giác: định lí côsin, định lí sin, công thức tính diện tích tam giác.  |
| **6** | Bài 3. Giải tam giác và ứng dụng thực tế | – Mô tả được cách giải tam giác và vận dụng được vào việc giải một số bài toán có nội dung thực tiễn (ví dụ: xác định khoảng cách giữa hai địa điểm khi gặp vật cản, xác định chiều cao của vật khi không thể đo trực tiếp,...). |
| **4** | **7** | Bài 1. Bất phương trình bậc nhất hai ẩn  | – Nhận biết được bất phương trình bậc nhất hai ẩn.– Mô tả được miền nghiệm của bất phương trình bậc nhất hai ẩn trên mặt phẳng toạ độ. – Vận dụng được kiến thức về bất phương trình bậc nhất hai ẩn vào giải quyết bài toán thực tiễn.  |
| **8** | Bài 1. Bất phương trình bậc nhất hai ẩn  | – Nhận biết được bất phương trình bậc nhất hai ẩn.– Mô tả được miền nghiệm của bất phương trình bậc nhất hai ẩn trên mặt phẳng toạ độ. – Vận dụng được kiến thức về bất phương trình bậc nhất hai ẩn vào giải quyết bài toán thực tiễn.  |
| **7** | Bài 3. Giải tam giác và ứng dụng thực tế | – Mô tả được cách giải tam giác và vận dụng được vào việc giải một số bài toán có nội dung thực tiễn (ví dụ: xác định khoảng cách giữa hai địa điểm khi gặp vật cản, xác định chiều cao của vật khi không thể đo trực tiếp,...). |
| **8** | BT cuối chương IV | – Giải được một số bài tập cuối chương. |
| **5** | **9** | Bài 2. Hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn  | – Nhận biết được hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn. – Mô tả được miền nghiệm của hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn trên mặt phẳng toạ độ. – Vận dụng được kiến thức về hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn vào giải quyết bài toán thực tiễn (ví dụ: bài toán tìm cực trị của biểu thức  trên một miền đa giác,...).  |
| **10** | Bài 2. Hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn  | – Nhận biết được hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn. – Mô tả được miền nghiệm của hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn trên mặt phẳng toạ độ. – Vận dụng được kiến thức về hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn vào giải quyết bài toán thực tiễn (ví dụ: bài toán tìm cực trị của biểu thức  trên một miền đa giác,...).  |
| **9** | BT cuối chương IV | – Giải được một số bài tập cuối chương. |
| **10** | BT cuối chương IV |
| **6** | **11** | Bài 1. Hàm số và đồ thị | – Nhận biết được những mô hình thực tế (dạng bảng, biểu đồ, công thức) dẫn đến khái niệm hàm số. – Mô tả được các khái niệm cơ bản về hàm số: định nghĩa hàm số, tập xác định, tập giá trị, hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến, đồ thị của hàm số. – Mô tả được các đặc trưng hình học của đồ thị hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến. – Vận dụng được kiến thức của hàm số vào giải quyết bài toán thực tiễn (ví dụ: xây dựng hàm số bậc nhất trên những khoảng khác nhau để tính số tiền y (phải trả) theo số phút gọi  đối với một gói cước điện thoại,...). |
| **12** | Bài 1. Hàm số và đồ thị | – Nhận biết được những mô hình thực tế (dạng bảng, biểu đồ, công thức) dẫn đến khái niệm hàm số. – Mô tả được các khái niệm cơ bản về hàm số: định nghĩa hàm số, tập xác định, tập giá trị, hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến, đồ thị của hàm số. – Mô tả được các đặc trưng hình học của đồ thị hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến. – Vận dụng được kiến thức của hàm số vào giải quyết bài toán thực tiễn (ví dụ: xây dựng hàm số bậc nhất trên những khoảng khác nhau để tính số tiền y (phải trả) theo số phút gọi  đối với một gói cước điện thoại,...). |
| **11** | Bài 1. Khái niệm vectơ | – Nhận biết được khái niệm vectơ, vectơ bằng nhau, vectơ-không. – Mô tả được một số đại lượng trong thực tiễn bằng vectơ.  |
| **12** | Bài 1. Khái niệm vectơ |
| **7** | **13** | Kiểm tra giữa học kì I | – Mệnh đề (1đ)– Tập hợp (2đ)– Các phép toán trên tập hợp (2đ) – Bất pt và hệ bpt bậc nhất hai ẩn (2đ)– Hệ thức lượng trong tam giác: + Giá trị lượng giác của một góc từ 0o đến 180o  (1đ)  + Định lí côsin và định lí sin (1đ) + Giải tam giác và ứng dụng thực tế (1đ) |
| **14** |
| **13** | Bài 2. Tổng và hiệu của hai vectơ   | – Thực hiện được các phép toán trên vectơ (tổng và hiệu hai vectơ) và mô tả được những tính chất hình học (trung điểm của đoạn thẳng, trọng tâm của tam giác,...) bằng vectơ. – Sử dụng được vectơ và các phép toán trên vectơ để giải thích một số hiện tượng có liên quan đến Vật lí và Hoá học (ví dụ: những vấn đề liên quan đến lực, đến chuyển động,...). – Vận dụng được kiến thức về vectơ để giải một số bài toán hình học và một số bài toán liên quan đến thực tiễn (ví dụ: xác định lực tác dụng lên vật,...).  |
| **14** | Bài 2. Tổng và hiệu của hai vectơ   |
| **8** | **15** | Bài 1. Hàm số và đồ thị | – Nhận biết được những mô hình thực tế (dạng bảng, biểu đồ, công thức) dẫn đến khái niệm hàm số. – Mô tả được các khái niệm cơ bản về hàm số: định nghĩa hàm số, tập xác định, tập giá trị, hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến, đồ thị của hàm số. – Mô tả được các đặc trưng hình học của đồ thị hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến. – Vận dụng được kiến thức của hàm số vào giải quyết bài toán thực tiễn (ví dụ: xây dựng hàm số bậc nhất trên những khoảng khác nhau để tính số tiền y (phải trả) theo số phút gọi  đối với một gói cước điện thoại,...). |
| **16** | Bài 2. Hàm số bậc hai   |  |
| **15** | Bài 3. Tích của một số với một vectơ | – Thực hiện được phép toán: tích của một số với một vectơ – Mô tả được tính chất hình học ba điểm thẳng hàng bằng vectơ. – Sử dụng được vectơ và các phép toán trên vectơ để giải thích một số hiện tượng có liên quan đến Vật lí và Hoá học (ví dụ: những vấn đề liên quan đến lực, đến chuyển động,...). – Vận dụng được kiến thức về vectơ để giải một số bài toán hình học và một số bài toán liên quan đến thực tiễn (ví dụ: xác định lực tác dụng lên vật,...).  |
| **16** | Bài 3. Tích của một số với một vectơ |
| **9** | **17** | Bài 2. Hàm số bậc hai | – Tính được bảng giá trị của hàm số bậc hai. – Vẽ được Parabol là đồ thị hàm số bậc hai. – Nhận biết được các tính chất cơ bản của Parabol như đỉnh, trục đối xứng. – Nhận biết và giải thích được các tính chất của hàm số bậc hai thông qua đồ thị. – Vận dụng được kiến thức về hàm số bậc hai và đồ thị vào giải quyết bài toán thực tiễn (ví dụ: xác định độ cao của cầu, cổng có hình dạng Parabol,...). |
| **18** | Bài 2. Hàm số bậc hai |
| **17** | Bài 4. Tích vô hướng của hai vectơ | – Thực hiện được phép toán tích vô hướng của hai vectơ– Sử dụng được vectơ và phép toán tích vô hướng của hai vectơ để giải thích một số hiện tượng có liên quan đến Vật lí và Hoá học (ví dụ: những vấn đề liên quan đến lực, đến chuyển động,...). – Vận dụng được kiến thức về vectơ để giải một số bài toán hình học và một số bài toán liên quan đến thực tiễn (ví dụ: xác định lực tác dụng lên vật,...).  |
| **18** | Bài 4. Tích vô hướng của hai vectơ |
| **10** | **19** | Bài 2. Hàm số bậc hai | – Tính được bảng giá trị của hàm số bậc hai. – Vẽ được Parabol là đồ thị hàm số bậc hai. – Nhận biết được các tính chất cơ bản của Parabol như đỉnh, trục đối xứng. – Nhận biết và giải thích được các tính chất của hàm số bậc hai thông qua đồ thị. – Vận dụng được kiến thức về hàm số bậc hai và đồ thị vào giải quyết bài toán thực tiễn (ví dụ: xác định độ cao của cầu, cổng có hình dạng Parabol,...). |
| **20** | BT cuối chương III | – Giải được một số bài tập cuối chương. |
| **19** | BT cuối chương V |
| **20** |
| **11** | **21** | BT cuối chương III | – Giải được một số bài tập cuối chương. |
| **22** |
| **1** | Bài 1. Số gần đúng và sai số  | – Hiểu được khái niệm số gần đúng, sai số tuyệt đối. – Viết được số gần đúng của một số với độ chính xác cho trước. – Viết được sai số tương đối của số gần đúng. – Viết được số quy tròn của số gần đúng với độ chính xác cho trước. – Biết sử dụng máy tính cầm tay để tính toán với các số gần đúng.  |
| **2** | Bài 1. Số gần đúng và sai số  | – Hiểu được khái niệm số gần đúng, sai số tuyệt đối. – Viết được số gần đúng của một số với độ chính xác cho trước. – Viết được sai số tương đối của số gần đúng. – Viết được số quy tròn của số gần đúng với độ chính xác cho trước. – Biết sử dụng máy tính cầm tay để tính toán với các số gần đúng.  |
| **12** | **1** | CĐ1. Bài 1. Hệ phương trình bậc nhất ba ẩn | – Biết thế nào là hệ phương trình bậc nhất ba ẩn, nghiệm của hệ phương trình bậc nhất ba ẩn. – Giải được hệ phương trình bậc nhất ba ẩn. |
| **2** | CĐ1. Bài 1. Hệ phương trình bậc nhất ba ẩn |
| **3** | Bài 2. Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng và biểu đồ   | Giải thích được số liệu không chính xác dựa trên mối liên hệ toán học đơn giản giữa các số liệu đã được biểu diễn trong nhiều ví dụ. |
| **4** | Bài 2. Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng và biểu đồ   | Giải thích được số liệu không chính xác dựa trên mối liên hệ toán học đơn giản giữa các số liệu đã được biểu diễn trong nhiều ví dụ. |
| **13** | **3** | CĐ1. Bài 1. Hệ phương trình bậc nhất ba ẩn | – Biết thế nào là hệ phương trình bậc nhất ba ẩn, nghiệm của hệ phương trình bậc nhất ba ẩn. – Giải được hệ phương trình bậc nhất ba ẩn. |
| **4** | CĐ1. Bài 1. Hệ phương trình bậc nhất ba ẩn | – Biết thế nào là hệ phương trình bậc nhất ba ẩn, nghiệm của hệ phương trình bậc nhất ba ẩn. – Giải được hệ phương trình bậc nhất ba ẩn. |
| **5** | Bài 3. Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm của mẫu số liệu  | – Tính được số đặc trưng đo xu thế trung tâm cho mẫu số liệu không ghép nhóm: số trung bình cộng (hay số trung bình), trung vị (median), tứ phân vị (quartiles), mốt (mode). – Giải thích được ý nghĩa và vai trò của các số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong thực tiễn. – Chỉ ra được những kết luận nhờ ý nghĩa của số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong trường hợp đơn giản.  |
| **6** | Bài 3. Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm của mẫu số liệu  | – Tính được số đặc trưng đo xu thế trung tâm cho mẫu số liệu không ghép nhóm: số trung bình cộng (hay số trung bình), trung vị (median), tứ phân vị (quartiles), mốt (mode). – Giải thích được ý nghĩa và vai trò của các số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong thực tiễn. – Chỉ ra được những kết luận nhờ ý nghĩa của số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong trường hợp đơn giản.  |
| **14** | **5** | CĐ1. Bài 2. Ứng dụng của hệ phương trình bậc nhất ba ẩn | – Vận dụng cách giải hệ phương trình bậc nhất ba ẩn để giải quyết một số vấn đề thực tiễn cuộc sống, liên môn (ví dụ: bài toán lập kế hoạch sản xuất, mô hình cân bằng thị trường,...).  |
| **6** | CĐ1. Bài 2. Ứng dụng của hệ phương trình bậc nhất ba ẩn |
| **7** | CĐ1. Bài 2. Ứng dụng của hệ phương trình bậc nhất ba ẩn |
| **7** | Bài 4. Các số đặc trưng đo mức độ phân tán của mẫu số liệu  | – Tính được số đặc trưng đo mức độ phân tán cho mẫu số liệu không ghép nhóm: khoảng biến thiên, khoảng tứ phân vị, phương sai, độ lệch chuẩn. – Giải thích được ý nghĩa và vai trò của các số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong thực tiễn. – Chỉ ra được những kết luận nhờ ý nghĩa của số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong trường hợp đơn giản. – Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức của các môn học trong Chương trình lớp 10 và trong thực tiễn. |
| **15** | **8** | CĐ1. Bài 2. Ứng dụng của hệ phương trình bậc nhất ba ẩn | – Vận dụng cách giải hệ phương trình bậc nhất ba ẩn để giải quyết một số vấn đề thực tiễn cuộc sống, liên môn (ví dụ: bài toán lập kế hoạch sản xuất, mô hình cân bằng thị trường,...).  |
| **9** | Bài tập cuối chuyên đề 1 | – Giải được một số bài tập cuối chuyên đề. |
| **10** | Bài tập cuối chuyên đề 1 |
| **8** | Bài 4. Các số đặc trưng đo mức độ phân tán của mẫu số liệu  | – Tính được số đặc trưng đo mức độ phân tán cho mẫu số liệu không ghép nhóm: khoảng biến thiên, khoảng tứ phân vị, phương sai, độ lệch chuẩn. – Giải thích được ý nghĩa và vai trò của các số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong thực tiễn. – Chỉ ra được những kết luận nhờ ý nghĩa của số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong trường hợp đơn giản. – Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức của các môn học trong Chương trình lớp 10 và trong thực tiễn. |
| **16** | **11** | CĐ2. Bài 1. Phương pháp quy nạp toán học | – Biết quy trình chứng minh một mệnh đề toán học bằng phương pháp quy nạp. – Chứng minh được một mệnh đề toán học bằng phương pháp quy nạp toán học.– Biết sử dụng kiến thức về phương pháp quy nạp toán học trong một số tình huống đơn giản gắn với thực tiễn, liên môn. |
| **12** | CĐ2. Bài 1. Phương pháp quy nạp toán học |
| **13** | CĐ2. Bài 1. Phương pháp quy nạp toán học |
| **9** | BT cuối chương VI | – Giải được một số bài tập cuối chương. |
| **17** | **14** | CĐ2. Bài 1. Phương pháp quy nạp toán học | – Biết quy trình chứng minh một mệnh đề toán học bằng phương pháp quy nạp. – Chứng minh được một mệnh đề toán học bằng phương pháp quy nạp toán học.– Biết sử dụng kiến thức về phương pháp quy nạp toán học trong một số tình huống đơn giản gắn với thực tiễn, liên môn. |
| **15** | Bài tập cuối chuyên đề 2 | – Giải được một số bài tập cuối chuyên đề. |
| **1** | HĐTH&TN: Bài 1. Dùng máy tính cầm tay để tính toán với số gần đúng và tính các số đặc trưng của mẫu số liệu thống kê | – Sử dụng MTCT để tính toán với số gần đúng.– Sử dụng MTCT để tính các số đặc trưng của mẫu số liệu thống kê.– Vận các kỹ năng tính toán với MTCT vào các tình huống thực tế. |
| **2** | HĐTH&TN: Bài 2. Dùng bảng tính để tính các số đặc trưng của mẫu số liệu thống kê | – Biết phần mềm Excel để hỗ trợ việc học các kiến thức thống kê và xác suất. – Biết sử dụng phần mềm Excel để tính được số đặc trưng đo xu thế trung tâm và đo mức độ phân tán cho mẫu số liệu không ghép nhóm. – Biết sử dụng phần mềm Excel để tính xác suất theo định nghĩa cổ điển. |
| **18** | **16** | Bài tập cuối chuyên đề 2 | – Giải được một số bài tập cuối chuyên đề. |
| **17** | Bài tập cuối chuyên đề 2 |
| **10** | Kiểm tra học kì I | – Hàm số và đồ thị (2đ)– Hàm số bậc hai (2đ)–Thống kê (2đ)– Ứng dụng của hệ phương trình bậc nhất ba ẩn (1đ)– Vectơ:  + Khái niệm vectơ (1đ) + Tích của một số với một vectơ (1đ) + Tích vô hưởng của hai vectơ (1đ) |
| **11** |

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian (1) | Thời điểm (2) | Yêu cầu cần đạt (3) | Hình thức (4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 90 phút | Tuần 7 | – Mệnh đề (1đ)– Tập hợp (2đ)– Các phép toán trên tập hợp (2đ) – Hàm số và đồ thị (2đ)– Hệ thức lượng trong tam giác: + Giá trị lượng giác của một góc từ 0o đến 180o  (1đ)  + Định lí côsin và định lí sin (1đ) + Giải tam giác và ứng dụng thực tế (1đ) | Tự luận |
| Cuối Học kỳ 1 | 90 phút | Tuần 18 | – Hàm số và đồ thị (2đ)– Hàm số bậc hai (2đ)–Thống kê (2đ)– Ứng dụng của hệ phương trình bậc nhất ba ẩn (1đ)– Vectơ:  + Khái niệm vectơ (1đ) + Tích của một số với một vectơ (1đ) + Tích vô hưởng của hai vectơ (1đ) | Tự luận |

**III. Các nội dung khác (nếu có)**

|  |  |
| --- | --- |
| TỔ/NHÓM TRƯỞNG*(Ký và ghi rõ họ tên)* | *…., ngày …,tháng…, năm 20…*GIÁM ĐỐC*(Ký và ghi rõ họ tên)* |
|  |  |
|  |  |

**PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN MINH HỌA**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRUNG TÂM:****TỔ/NHÓM:**  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(Năm học 2022 - 2023)

**1. Khối lớp: 10 ; Số học sinh: … HS**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***STT*** | ***Chủ đề******(1)*** | ***Yêu cầu cần đạt******(2)*** | ***Số tiết******(3)*** | ***Thời điểm******(4)*** | ***Địa điểm******(5)*** | ***Chủ trì******(6)*** | ***Phối hợp******(7)*** | ***Điều kiện thực hiện******(8)*** |
| 1 | Tính các số đặc trưng của mẫu số liệu thống kê. | – Biết phần mềm Excel để hỗ trợ việc học các kiến thức thống kê và xác suất. – Biết sử dụng phần mềm Excel để tính được số đặc trưng đo xu thế trung tâm và đo mức độ phân tán cho mẫu số liệu không ghép nhóm. – Biết sử dụng phần mềm Excel để tính xác suất theo định nghĩa cổ điển. | 1 tiết | Tuần 17 | Phòng máy tính | Giáo viên | Phối hợp với Giáo viên Tin học. | Máy tính, máy chiếu, loa, SGK, … |

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ/NHÓM TRƯỞNG***(Ký và ghi rõ họ tên)* | *…., ngày tháng năm 20…***GIÁM ĐỐC***(Ký và ghi rõ họ tên)* |